

## Giá trị của từ xưng hô trong một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh

Huỳnh Thị Mai Trinh, Lê Hữu Nhật Duy, Lê Dương Khắc Minh

Trường Đại học Văn Hiến

Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 29/11/2024; Ngày sửa bài: 15/05/2025; Ngày duyệt đăng: 23/05/2025

### Tóm tắt

Trong giao tiếp cũng như trong văn học, từ xưng hô chiếm một vị trí quan trọng, thể hiện căn tính văn hóa của chủ thể phát ngôn cũng như đặc điểm nhận dạng vùng miền. Nhắc đến văn học miền Nam, từ buổi giao thời, Hồ Biểu Chánh (1885-1958) là cây bút lớn chuyên sử dụng chữ quốc ngữ kết hợp với phương ngữ Nam Bộ để sáng tác văn học, bao gồm hệ thống từ xưng hô được nhà văn khai thác. Bài viết tập trung nghiên cứu về giá trị của từ xưng hô trong một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh nhằm làm rõ những tác động của nó đến sự hình thành văn hóa giao tiếp cũng như đặc trưng văn hóa riêng biệt ở Nam Bộ, được thể hiện thông qua việc định hình mối quan hệ thân quen, mối quan hệ xa lạ và hiện tượng gộp âm cũng như cách biểu thị thái độ trong giao tiếp. Qua đó, bài viết góp phần làm nổi bật nét độc đáo của ngôn ngữ sinh hoạt vùng miền trong mối quan hệ với ngôn ngữ toàn dân.

**Từ khóa:** Hồ Biểu Chánh, từ xưng hô, phương ngữ Nam Bộ, văn hóa giao tiếp vùng miền

## The Value of Address Words in Some Works by Ho Bieu Chanh

Huynh Thi Mai Trinh, Le Huu Nhat Duy, Le Duong Khac Minh

Van Hien University

Correspondence: TrinhHTM@vhu.edu.vn

Received: 29/11/2024; Revised: 15/05/2025; Accepted: 23/05/2025

### Abstract

In both communication and literature, the form of address holds an important position, expressing the speaker's cultural identity as well as regional characteristics. In the context of Vietnamese literature during the transitional period, Ho Bieu Chanh (1885-1958) was a distinguished writer renowned for using the national language combined with the Southern dialect to create literary works. This article focuses on examining the value of address forms in several novels by Hồ Biểu Chánh, aiming to elucidate their impact on the formation of communicative culture and the unique cultural traits of Southern Vietnam, as well as the interplay between regional vernaculars and the national language. These themes are expressed through the shaping of intimate relationships, unacquainted relationships, the phenomenon of phonetic merging, and the ways of expressing attitudes in communication. Through this exploration, the article contributes to highlighting the unique features of regional everyday language in its relationship with the national/common language.

**Keywords:** address words, Ho Bieu Chanh, regional communication culture, Southern Vietnamese dialect

## 1. Đặt vấn đề

Từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc và từ ngữ xưng hô là những nhóm từ quan trọng trong phương ngữ nói chung, phương ngữ Nam Bộ nói riêng, đặc biệt về phương diện giao tiếp trong gia đình và ngoài xã hội. Ngoài chức năng giao tiếp, từ xưng hô còn mang trong mình nét đẹp tính cách, văn hóa của con người Nam Bộ. Từ những viên gạch đầu tiên được xây dựng bởi các học giả phương Tây trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, dần dần, giới nghiên cứu Việt Nam đã quan tâm đến vấn đề này nhiều hơn, đặc biệt là những tên tuổi lớn trong giới chuyên môn như: Đào Duy Anh, Trần Trọng Kim,... Tuy nhiên, việc nghiên cứu một cách hệ thống phương ngữ Nam Bộ so với ngôn ngữ toàn dân vẫn còn bỏ ngỏ trong khoảng thời gian đầu. Nhà nghiên cứu Phạm Thành đã bước đầu chú ý đến sự khác biệt giữa từ xưng hô trong họ hàng giữa hai miền: “...*cụ, ông, bà, bác, cô, chú, anh, chị, em, cháu (miền Bắc)* và *di, dượng, con (miền Nam)* được sử dụng giao tiếp ở ngoài xã hội.” (Phạm Thành, 1994: 73). Dù bài viết tập trung chủ yếu việc phân tích văn hóa xưng hô của người Việt nhưng đoạn so sánh ngắn trên đã cho thấy nhà nghiên cứu có sự quan tâm đến khác biệt về phương ngữ vùng miền. Nguyễn Văn Chiến (2004) cũng xem xét một số khía cạnh như: vai vế, thứ bậc, tuổi tác, tình cảm, ... trong xưng hô. Tuy vậy, tác phẩm chỉ nói chung về các danh từ chỉ quan hệ thân tộc và các từ để xưng hô trong tiếng Việt, chưa đi vào cụ thể phương ngữ Nam Bộ. Trần Ngọc Thêm (2000) cũng đã chỉ ra một số đặc trưng giao tiếp cơ bản của người Việt Nam. Mặc dù ở đây không đề cập cụ thể đến đặc trưng giao tiếp của người Nam Bộ nhưng đó vẫn

là tài liệu tham khảo quý giá, bởi người dân Nam Bộ là một phần của dân tộc ta, nên cách giao tiếp vẫn phần nào đó mang nét chung của người Việt Nam. Lê Anh Trà (2017) đã đề cập khá kỹ về lịch sử hình thành và đặc điểm ngữ âm. Tuy vậy, nhóm tác giả hầu như không viết gì về từ thân tộc và từ xưng hô trong phương ngữ Nam Bộ. Chính vì thế, tìm hiểu về các nhóm từ này không chỉ để nắm vững lời ăn tiếng nói hàng ngày mà còn để hiểu sâu hơn về văn hóa, tính cách của con người Nam Bộ và góp phần lưu giữ vốn từ của dân tộc. Có thể thấy, mặc dù nghiên cứu về phương ngữ Nam Bộ và đặc biệt là văn phong Hồ Biểu Chánh đã được quan tâm bởi một số nhà nghiên cứu từ phương diện ngữ pháp, từ vựng và một số đề tài đặc trưng trong tiểu thuyết của nhà văn, tuy nhiên, nghiên cứu về từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc và từ ngữ xưng hô vẫn còn nhiều vấn đề bỏ ngỏ.

Hiện nay, những nội dung này đã trở thành một nội dung dạy học trong chương trình Ngữ văn ở Trung học cơ sở. Đây là một nội dung mở, gắn liền với các vùng miền trong nước nên các tài liệu dạy học thường do chính ban ngành giáo dục địa phương tự biên soạn. Thực tế cho thấy, ở vùng Nam Bộ, mảng tài liệu này hầu như không có nhiều. Vì vậy, bài viết này được kỳ vọng sẽ là tài liệu góp phần phục vụ việc dạy học chương trình địa phương; trở thành nội dung bổ ích trong chương trình Ngữ văn ở Trung học cơ sở cũng như nghiên cứu, tìm hiểu về ngôn ngữ văn học đến sự định hình văn hóa Nam Bộ trong tiểu thuyết của nhà văn Hồ Biểu Chánh.

## 2. Từ xưng hô và đặc trưng của từ xưng hô trong phương ngữ Nam Bộ

### 2.1. Khái niệm từ xưng hô

Trong văn hóa giao tiếp Nam Bộ, từ xưng hô là một trong những biểu hiện cá tính độc đáo ở việc sử dụng ngôn ngữ toàn dân theo phong cách riêng. Những đặc sắc riêng này đến từ sự ảnh hưởng của cội nguồn văn hóa: “*khi người miền Tây Nam Bộ sử dụng thì những từ đó mang đậm dấu ấn văn hóa của cư dân vùng sông nước: tính tôn ti, mức độ thân-sơ, tuổi tác...*” (Hồ Xuân Mai và Phan Kim Thoa 2020: 103). XưngTheo từ điển tiếng Việt, xưng hô có ý nghĩa “*tự xưng mình và gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ với nhau.*” (Hoàng Phê và cộng sự, 2003: 1164). Có thể thấy, xưng hô đóng vai trò chức năng là một hành vi giao tiếp xã hội. Xưng bậc lộ bản chất của mối quan hệ xã hội giữa mình - người tạo ra hành động xưng gọi với người được xưng; Hô lại là hành vi giao tiếp bằng ngôn ngữ hướng đến người đối thoại - người được gọi trong giao tiếp - bậc lộ tính chất và bản chất của mối quan hệ xã hội giữa người ấy với mình. Vì vậy, khi mở đầu một cuộc hội thoại, người nói và người nghe thường định hình những cách xưng hô sao cho phù hợp với người đối thoại dựa trên những nền tảng khác nhau, từ tuổi tác vai vế, diện mạo đến mức độ thân quen để tránh được sự bỡ ngỡ, sai sót, tạo sự gần gũi trong giao tiếp. Từ đó, chúng ta có thể xây dựng tiền đề đưa cuộc hội thoại đi đến được đích mà cả người nói và người nghe đã định trước.

Sự lựa chọn cách xưng hô trong giao tiếp chịu sự chi phối của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan: “*Văn hóa xưng hô là một khía cạnh của văn hóa giao tiếp. Văn hóa giao tiếp bao gồm những chuẩn mực hành vi ứng xử do xã hội qui định và mang đặc tính dân tộc.*” (Phạm Thành, 1994:

72). Ở đây, quan hệ vai giữa người nói và người nghe là yếu tố cơ bản luôn hiện diện và chi phối trực tiếp ngay từ những phút đầu của một cuộc hội thoại. Mối quan hệ giữa người nói và người nghe trong giao tiếp được xác định trên nhiều tiêu chí, phương diện cơ bản sau: mức độ đậm nhạt trong tình cảm, mức độ cao thấp về địa vị trong xã hội, sự tương đồng văn hóa, tâm lý... của người nói và người nghe, đồng thời tôn trọng truyền thống lễ nghĩa: “*...các từ xưng hô tiếng Việt nói chung, đều biểu đạt một cách không tách rời ý nghĩa thân - sơ, khinh - trọng.*” (Nguyễn Đức Thắng, 2002: 59).

Ở Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng, từ xưng hô khá phong phú và đa dạng với nhiều hệ thống cấu trúc ngôn ngữ, gắn liền với văn hóa hành xử tương ứng. Trong nghiên cứu của Huỳnh Kim Tường Vi và Thạch Thị Hoàng Ngân (2012) số lượng từ xưng hô hoặc thuộc “*trường ngữ nghĩa xưng hô*” được thống kê lên đến 6878 từ và được chia làm hai nhóm: đại từ xưng hô chuyên dụng trong thơ ca dân gian Nam Bộ và đại từ xưng hô toàn dân. Có thể thấy, trong những cộng đồng ngôn ngữ nhất định, từ xưng hô chính là “*mỏ lộ thiên*” để nghiên cứu thái độ và căn tính dân tộc. Ở phương diện này, một trong những đặc tính quan trọng nhất của từ xưng hô chính là tính lịch sự trong giao tiếp của người Việt: “*khi giao tiếp, chúng ta không thể không gọi người đối diện. Mà, muốn thế, ngay trước đó, chúng ta phải xác lập tôn ti.*” (Hồ Xuân Mai và Phan Kim Thoa, 2020: 104). Với tư cách là công cụ giao tiếp, ngôn từ tiếng Việt chịu sự chi phối to lớn của văn hóa giao tiếp người Việt. Vì thế, tìm hiểu về nghệ thuật giao tiếp Việt Nam nói chung không thể bỏ qua

văn hóa giao tiếp của người Nam Bộ. Và trong văn học, một trong những tác giả tiêu biểu với chất văn mang đậm phong vị miền Nam là nhà văn Hồ Biểu Chánh.

## 2.2. Một số đặc trưng của từ xưng hô trong phương ngữ Nam Bộ

Là một đất nước nhiều dân tộc, bên cạnh sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ khu vực văn hóa chữ Hán, Việt Nam còn có quá trình tiếp xúc lâu dài với văn hóa phương Tây cũng như các vùng văn hóa lân cận đã tạo nên sự đặc sắc cho con người và văn hóa bản địa, trong đó có phương diện ngôn ngữ. Tiếp xúc với dân cư ở nhiều địa phương trong nước, từ các tỉnh biên giới phía Bắc cho đến miền đất Mũi, có thể dễ dàng nhận ra sự khác nhau trong giao tiếp giữa vùng này với vùng khác được thể hiện ở giọng nói hay cách phát âm, từ ngữ, phong cách diễn đạt và phần ít qua cấu trúc ngữ pháp. Trong đó, yếu tố địa lý đóng vai trò không nhỏ tác động đến con người vùng đất Nam Bộ: “Đất Nam Bộ vốn được nhìn nhận là vùng sông, kênh, rạch chằng chịt. Vì vậy, trong thực tiễn sử dụng ngôn ngữ, rất nhiều cách diễn đạt của người Nam Bộ, đều có yếu tố ngôn từ dính tới địa hình vùng sông nước” (Đặng Ngọc Lê và Huỳnh Công Tín, 2021: 8). Những đặc trưng đó đã tạo ra đường ranh giới phân chia phương ngữ.

Bên cạnh đó, địa bàn cư trú của dân tộc Việt Nam từ đầu thế kỷ XIV dần dần mở rộng vào phía Nam và từ cuối thế kỷ XVII đi sâu về phía đồng bằng sông Đồng Nai và sông Cửu Long. So với địa bàn cha ông ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, những người bước đầu mở cõi đất phương Nam ấy đã đi rất xa và gặp nhiều trở ngại về địa hình, địa lý: “Trong cuộc phiêu lưu đi mở đất, khai hoang; người dân Nam tiến

không còn dựa vào tình thân gia tộc, kiểu “một giọt máu đào hơn ao nước lã”, mà cần xác định một nguyên tắc sống mới thích hợp với vùng đất “tứ chiếng”, là “bán anh em xa, mua láng giềng gần”.” (Đặng Ngọc Lê và Huỳnh Công Tín, 2021: 9). Đồng thời, cuộc phân tranh Đảng Ngoài - Đảng Trong giữa các tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn kéo dài gần hết thế kỷ XVII - XVIII làm cho sự tiếp xúc giữa nhân dân miền Nam với miền ngoài trở nên khó khăn, gián đoạn. Chính vì vậy, ngôn ngữ nói riêng và văn hóa nói chung của miền Nam phát triển có nhiều chỗ khác biệt so với ngôn ngữ, văn hóa của miền trung tâm, trong đó có từ xưng hô.

Về đặc điểm ngữ âm, đặc tính chung của thanh điệu là càng vào Nam càng nhẹ dần do tác động của địa hình cũng như sự giao thoa với văn hóa Khmer: “...tiếng Khmer không có dấu thanh, nên người Việt lúc bấy giờ buộc phải nói nhẹ hơn; các thanh thuộc âm vực bổng như sắc, hỏi, ngang phải được hạ cao độ.” (Hồ Xuân Mai và Phan Kim Thoa, 2020: 76). Hiện tượng biến âm rõ nét nhất là hiện tượng biến thanh ở nhiều từ xưng hô. Hiện tượng này không chỉ có ý nghĩa từ vựng mà còn có ý nghĩa ngữ pháp, lập thành một hiện tượng riêng biệt trong hệ thống từ toàn dân. Hiện tượng này xảy ra khi chúng kết hợp với đại từ chỉ định “ấy” mang ý nghĩa thực tại hóa danh ngữ:

Ông ấy	→	Ông
Bà ấy	→	Bà
Anh ấy	→	Ảnh
Chị ấy	→	Chí
Cô ấy	→	Cổ

Về từ vựng và ngữ nghĩa, vùng đất này sở hữu một lớp từ vựng mang đậm tính phương ngữ dùng để gọi tên sự vật, hiện

tượng trong tự nhiên, xã hội ở Nam Bộ mà không có ở địa phương khác. Trong phương ngữ Nam Bộ, tuy một số từ xưng hô có ý nghĩa đồng nghĩa với ngôn ngữ toàn dân nhưng khi được cất lên ở vùng đất của nó thì những từ trên đều kèm theo sắc thái riêng. Chính vì thế, nhiều từ xưng hô trong các mối quan hệ có phần mới lạ so với ngôn ngữ toàn dân như: Chị sui, qua, cung, tía, má, chể, ...

Tuy số lượng không nhiều nhưng phương ngữ Nam Bộ là nguồn bổ sung, góp phần làm giàu cho kho tàng ngôn ngữ dân tộc. Không những là từ xưng hô, nhiều từ của phương ngữ Nam Bộ đã hoặc đang được dùng ngày một rộng rãi trong lời ăn tiếng nói hàng ngày và cả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hiện tượng này dẫn đến tình trạng mất dần màu sắc địa phương khi hòa nhập với ngôn ngữ toàn dân. Tuy nhiên, sự phổ biến hơn của phương ngữ Nam Bộ trong đời sống cũng thể hiện cho việc thoát ly tính chất khẩu ngữ đơn thuần của nó để phát triển ở bình diện khác, trong đó có văn học nghệ thuật “*với một tư thế rất đường hoàng*” (Trần Phóng Diệu, 2005: 61)

Tóm lại, từ xưng hô trong phương ngữ Nam Bộ cũng như các phương ngữ khác của tiếng Việt, không chỉ bị chi phối bởi các quy luật chung của ngôn ngữ dân tộc, mà còn có những quy luật phát triển riêng biệt, gắn liền với đặc điểm xã hội và tâm lý con người địa phương. Trong buổi ban đầu vừa mới hình thành, từ xưng hô trong phương ngữ Nam Bộ tự khẳng định bản sắc của mình bằng con đường “khẩu ngữ” là chính, thiếu sự hướng dẫn và hỗ trợ đắc lực của “bút ngữ” (ngôn ngữ viết hay ngôn ngữ thành văn). Vì thế, phương ngữ Nam Bộ không tránh khỏi hiện tượng phát triển

tương đối tự do. Dù vậy, vị trí cũng như giá trị to lớn của từ xưng hô ở Nam Bộ trong tiếng Việt là điều không thể phủ nhận.

### **3. Từ ngôn ngữ văn học đến sự định hình văn hóa Nam Bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh**

#### **3.1. Từ xưng hô xác lập quan hệ quen thân trong giao tiếp**

Văn chương của Hồ Biểu Chánh phần lớn hướng ngòi bút đến lực lượng độc giả là người bình dân và một bộ phận giới trung lưu trí thức. Một trong những đặc trưng khiến tiểu thuyết của nhà văn giữ được độ quan tâm của độc giả chính là việc trực tiếp sử dụng phương ngữ Nam Bộ, khẩu ngữ của dân chúng hàng ngày trong quá trình sáng tác. Hồ Biểu Chánh là “*một trong những nhà văn mà tác phẩm đã góp phần làm vững mạnh nền móng sơ khởi cho nền văn học chữ quốc ngữ. Ông được xem là nhà văn sở trường đưa vào trong tiểu thuyết tiếng nói thường ngày còn được gọi là bạch thoại và khẩu ngữ, của người Nam kỳ.*” (Nguyễn Vy Khanh, 2006: 238). Tính giản dị, bình dân, nhiều xúc cảm và có tính cường điệu là đặc trưng trong ngôn ngữ của Nam Bộ nói chung và văn phong Hồ Biểu Chánh nói riêng, nó “*không kém phần độc đáo của riêng ông vừa tượng hình, tượng thanh, vừa diễn tả được tâm trạng, tình cảm của nhân vật.*” (Nguyễn Vy Khanh, 2006: 239). Từ xưng hô là một trong những yếu tố cấu thành đặc trưng này trong các sáng tác của Hồ Biểu Chánh ở nhiều bình diện khác nhau, từ các mối quan hệ ngang hàng thân quen đến các mối quan hệ thân quen không ngang hàng.

Người dân Nam Bộ trong cách xưng hô quen thân - ngang hàng ít dùng những từ như: mình, tớ, cậu, đấng ấy, ... Dù cách xưng hô ở đây mang tính suồng sã, nhưng

không vì thế mà một trong hai phía nói hoặc nghe có thái độ bất bình, mất lòng, phá vỡ cuộc hội thoại, làm gián đoạn đường kênh giao tiếp. Những từ xưng hô được các nhân vật trong tiểu thuyết dùng phổ biến gồm có: mày, cha, thằng cha, mấy cha, người ta, ...; khi giao tiếp với nhiều người thường dùng: mấy người, các người, các ông, các bà, ...; và xưng: tôi, tao, ...

“- *Thằng Chà này vô phép quá! Tao lại trả bạc cho mày chớ làm cái gì.*

- *Trả bạc cái gì?*

- *Trả bạc chớ trả cái gì.*

- *Bạc của anh này vay hả? Chưa tới ngày mà.*

- *Chưa tới mà người ta trả. Mày mọi lắm không ai thêm vay của mày nữa đâu.*

- *Mọi cái gì? Anh này hỗn quá mà.*

- *Vậy chớ mày ăn nói có phép lắm hay sao?”* [1]

Nhân vật xưng hô có khi sử dụng ông, anh, chị, thím, ... hoặc tôi, thân già, ... để thể hiện sự khiêm nhường dù rằng tuổi tác, địa vị như nhau:

“*Ba Thờ trong bếp chạy ra nước mắt nước mũi chầm ngoàm khóc và thề rằng:*

- *Nếu không phải con tôi xí được mà tôi nói dối đặng gạt mình, thì xin ông thân trong làng này bẻ cổ vắn họng tôi đi.*

*Ông già thấy Ba Thờ khóc lóc thề thốt như vậy thì lồm cồm ngồi dậy mà can rằng:*

- *Thôi, hai vợ chồng cũng chẳng nên rầy rà mà làm gì. Tôi là người ở xứ lạ tình cờ đến đây, chớ không phải là bà con quen biết chi với hai vợ chồng. Nãy giờ tôi nằm lòng tai nghe thì tôi đã rõ gia đạo của hai vợ chồng hết rồi. Thím em xí được con của họ bỏ rơi, thím em nó bồng về mà nuôi phải hôn, chú em nó đi làm ăn lâu ngày về thấy khi đi thì vợ không có ghé mà khi*

*về vợ lại có con, nên để lòng nghi thím em nó nhà có ngoại tình, rồi vợ chồng sàng sặc với nhau hoài.”* [2]

Trái với mối quan hệ quen thân ngang hàng, mỗi quan hệ quen thân không ngang hàng xuất hiện những cách xưng hô mang tính quy thức, thể hiện vị trí cao thấp giữa người nói và người nghe. Đối với quan hệ gia đình huyết tộc, nhân vật vai vế lớn thường gọi người nhỏ hơn là mày, con, cháu... và xưng tao, ông, bà, cha, mẹ, chị,... Tùy vai vế trong gia đình, nhân vật vai vế nhỏ có thể gọi người lớn là ông, bà, cha, mẹ, anh, chị,... và xưng cháu, con, em,... Trong một vài trường hợp, mặc dù vế nhỏ nói chuyện với vế lớn và xưng bằng “tôi” nhưng không vì thế mà không kính trọng. Anh nói chuyện với em có khi cũng xưng bằng “qua”:

“- *Anh cứ chia ba đi... Nè, anh Hai, anh làm giống gì mà anh quen với ông Giáo Chuột? Chắc anh có vay bạc của ông chớ gì, phải hôn?*

- *Sao em biết qua quen với ông Giáo Chuột?*

- *Ông có nói với tôi.”* [3]

Từ xưng hô còn thể hiện vai vế, quan hệ xã hội đương thời như: quan lại - dân chúng, thủ trưởng - nhân viên, ... Nhân vật có địa vị cao hơn thường có cách xưng hô trịch thượng, người có địa vị thấp lại xưng hô rất khiêm nhường, nể sợ:

“*Quý rón rén ôm gói áo quần đi thẳng lại buồng phía chái trên mà thay đồ. Thị Mùi ngó thấy, song không thêm nói tới, lại xam xam bước lại cửa, xuống nhà dưới đứng mà hỏi:*

- *Tại sao mày không chịu nấu cơm vậy Mỹ? Mày đợi tao về tao nấu cho mày ăn phải không?*

- *Cha với dì đi khỏi hết. Tôi sợ nấu cơm để nguội lạnh, nên tôi đợi về rồi sẽ nấu cháo.” [4]*

### 3.2. Từ xưng hô định hình văn hóa giao tiếp trong quan hệ xa lạ

Phần lớn sáng tác của Hồ Biểu Chánh là tiểu thuyết, do đó, nhà văn có nhiều sự thuận lợi trong việc thể hiện ngôn ngữ đời sống, dân dã: “*Hồ Biểu Chánh là người đầu tiên làm nên cuộc cách mạng đập vỡ cái khuôn khổ văn chương dài các của văn học điển cổ trước đó và của văn chương đương thời. Ông đặt vào các vai truyện của ông những ngôn ngữ đơn sơ chất phác...*” (Thanh Lăng, 1967: 567). Do đó, việc sử dụng từ xưng hô thể hiện các mối quan hệ trong tiểu thuyết của ông cũng được “dân dã hóa”, mang đậm phong vị Nam Bộ. Khi quan hệ giao tiếp thay đổi, cách xưng hô trong giao tiếp cũng thay đổi theo: “*Vai giao tiếp của người Việt Nam được qui định bởi vị trí của người đó đối với các thành viên khác trong hai hệ thống phân định rạch ròi: gia đình và xã hội.*” (Phạm Thành, 1994: 73).

Đứng trước người xa lạ, các nhân vật đều phải có sự lựa chọn từ ngữ xưng hô sao cho không khí giao tiếp không bị căng thẳng, đồng thời giữ được thể diện cả hai bên. Trong trường hợp này, thường xuất hiện những cách xưng hô có tính tôn trọng tư cách của người đối thoại như: chú, ông, bác, cô, dì, thím, bà,...cháu, anh, em,... ít khi xuất hiện cách xưng hô khiếm nhã, suồng sã: tao - mày, ông - tôi, anh - tôi,...trừ khi hai người ngang tuổi nhau hoặc độ tuổi quá chênh lệch nhau. Việc sử dụng từ xưng hô đối với trường hợp này vẫn tuân thủ nguyên tắc “xưng khiêm, hô tôn” (Phạm Thành, 1994), do đó, dù xa lạ

nhưng vẫn sử dụng những từ chỉ quan hệ thân tộc như: ông, chú, thím, cậu, cô, ...

Trong trường hợp quan hệ xa lạ ngang hàng, các nhân vật có sự ngang bằng về vai vế xét ở góc độ tuổi tác và địa vị xã hội. Tuy nhiên, để tôn trọng thể diện người đối thoại, cả hai phía đều có cách xây dựng ngôn ngữ xưng hô hòa nhã và lịch sự, tránh tình trạng gây mất lòng hoặc gây ra một không khí đối thoại trở nên căng thẳng:

“*Lê Văn Đó vô tới trước mặt ông rồi hỏi rằng:*

- *Ông có phải là ông Tư Chấn không?*

- *Phải. Ông ở đâu?*

- *Phải Thế Phụng là cháu ngoại của ông hôn?*

- *Phải. Hỏi chi vậy?*

- *Thế Phụng bị bệnh nặng lắm. Tôi làm ơn chở dìùm chàng về cho ông đây. Chàng ở dưới ghe. Xin ông cho phép đem chàng lên.” [5]*

Trường hợp xưng hô một cách trung tính cũng được thể hiện qua đoạn hội thoại sau trong tiểu thuyết *Đại nghĩa diệt thân*:

“*Sáng ngày Thị Dần thấy có ghe lưới lạ cặp vào bến, nàng lẻ chân bước xuống hỏi Đạt có cá tôm được bao nhiêu Đạt bung rổ đưa cho Dần coi. Dần xốc cả tôm cá rồi ngó Đạt vừa cười duyên vừa hỏi:*

- *Anh định bán giá mấy đây anh Hai?*

- *Tôi không có ngôi chợ mà bán, nên không biết giá chợ, bởi vậy tôi xin chị liệu dìùm cho phải thì thôi. Tôi có công lặn lội sáng đêm mà kiếm cá tôm chị có công ngôi chợ chịu nắng mưa mà bán.” [6]*

Hồ Biểu Chánh cũng rất chú ý vào việc xây dựng lời thoại của nhân vật, “lấy tiếng thường mọi người hằng nói” (Nguyễn Trọng Quán, 1887) vì sự gần gũi với đời sống hiện thực nhằm khắc họa tính cách nhân vật. Do đó, dù trong tình huống

bất gặp mỗi quan hệ xa lạ và không ngang bằng, những nhân vật của ông vẫn lựa chọn những cách xưng hô sao cho thể hiện được tính văn hóa, phép lịch sự trong giao tiếp và hình ảnh của người miền Nam duyên dáng, hòa nhã. Những cách xưng hô thường gặp ở đây có sự phân biệt rõ ràng vai cao - vai thấp của người nói và người nghe như: ông - cháu, anh - em, chú - cháu, cô - cháu, ... Khi nói với nhiều người, cô bác, bà con, ... là những từ thường được dùng. Nhân vật lớn hơn cũng thường gọi nhân vật nhỏ hơn bằng chú, thím, cậu, ... khi họ cũng đã có tuổi. Tuy vậy, với cá tính văn hóa của người dân Nam Bộ, họ vẫn có những cách xưng hô khá tình cảm, không hề tỏ ra quá xa lạ với người chưa hề quen biết:

*“Anh ta đi lại trước mặt Hòa thượng mà hỏi rằng:*

*- Ông cho tôi ăn uống no rồi, bây giờ tôi ngủ đây tới sáng mai tôi sẽ đi được hôn, hay là tôi phải đi liền bây giờ?*

*Hòa thượng gật đầu đáp rằng:*

*- Chú em nó ở đây mà ngủ chờ trời mưa gió đi đâu bây giờ?*

*Ngài liền dạy Giác Thế dọn cái giường trong liêu, trải chiếu giăng mùng rồi dắt Lê Văn Đốc vào đó mà ngủ.” [7]*

Một số từ chú, thím, cô, cậu, ... là những từ dùng để nói với nhân vật thuộc nhiều vị trí vai về khác nhau như trên, ngang và dưới. Đầu tiên, trong tiểu thuyết *Cay đắng mùi đời* khi nhân vật Được gặp người đàn bà góa chồng, do có vị thế thấp hơn vì muốn xin ở nhờ, việc xưng hô “tôi - thím” thể hiện khoảng cách tôn kính, thừa nhận vị thế cao hơn của người nghe so với người nói:

*Người ấy ngó con Liên một hồi rồi hỏi rằng: “Hai đứa bây ở đâu mà nãy giờ tao*

*thấy xách đồ đi nghề nghén hoài vậy?”. Thăng Được nghe hỏi thì trong lòng chẳng xiết nổi mừng, nên lật đật thưa rằng: “Thưa thím, hai anh em tôi bên Bến Tre đi với thầy tôi, vừa đến đây hồi xế, rui gặp một chú bếp muốn kiếm chuyện hại thầy tôi, nên bắt đem về bót rồi ông Cò giam thầy tôi. Từ hồi xế đến bây giờ hai anh em tôi bơ vơ không biết chỗ nào mà nương nгу.” [8]*

Tiếp đến, việc xưng “tôi - thím” cũng được sử dụng khi thể hiện trong giao tiếp ngang vế. Trong tiểu thuyết *Một đời tài sắc*, khi nhà ông Cai Tổng Bình và ông Hội đồng Nghiệp là đôi bạn đồng niên gặp mặt, cách xưng hô giữa hai người đã xây dựng không khí ngang hàng, vừa tạo sự thân mật giữa đôi thông gia, vừa phù hợp với ngữ cảnh thôn quê truyền thống dành cho các mối quan hệ bạn bè, hàng xóm cùng thế hệ:

*“Cô Xuân Hương lo trầu nước đãi khách, cô ra vô lãng xãng, mặt tươi cười, bộ nhâm nhẹ, tư cách phải là gái tân học, mà nét na cũng phải là con nhà giàu. Bà Cai tổng ngó theo cô hoài rồi bà nói với bà Hội đồng rằng:*

*- Con nhỏ năm nay nó lớn đại. Nè, tôi nói với thím nó a, phải chờ thằng Ý tôi, chớ đừng có gả chỗ khác tôi không nghe cho mà coi.” [9]*

Cuối cùng, trong mối quan hệ xa lạ, việc xưng hô “chú - thím - cháu” đã thể hiện tình cảm, bồn phận của người nói đối với người nghe, đồng thời là thẩm quyền chủ động của người nghe so với sự bị động của người nói:

*“- Cháu phải một là lấy chồng khác, hai là phải về xứ mới yên thân.*

*- Phải chi chú thím làm phước cho cháu ở đây với chú thím.” [10]*

### 3.3. Hiện tượng lược-gộp âm và khả năng biểu thị thái độ giao tiếp

Một trong những đặc trưng khác của từ xưng hô được Hồ Biểu Chánh thể hiện thành công trong tiểu thuyết của mình chính là việc sử dụng các đại từ ngôi thứ ba số ít đã bị lược - gộp âm như: ông, bà, ảnh, dương, ..., những từ mang đậm chất Nam Bộ. Đó cũng là yếu tố giúp cho văn phong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh có thêm sự gần gũi, thân quen với người đọc. Trong giao tiếp, người Nam Bộ thường thể hiện sự phóng khoáng, niềm nở. Sự phóng khoáng, niềm nở ấy đi liền với lòng mến khách, với tình yêu thương con người. Cách xưng hô ở Nam Bộ thường là quy tắc xưng hô không nghi thức, do đó luôn giữ thái độ bình đẳng trong giao tiếp. Ở Nam Bộ, hiện tượng “nhập âm” một số danh từ thân tộc khi đứng trước đại từ chỉ thị “ấy”. Hiện tượng này đi kèm với việc thanh hỏi - ngã không được phân biệt trong giọng Nam Bộ để hình thành các đại từ mới. Trường hợp này còn được gọi là “hiện tượng “lười” hóa”: *“trong cách nói của người Nam Bộ, một hiện tượng được xem là “lười” hóa, thể hiện nét đặc trưng của ngôn ngữ vùng sông nước, đó là cách nói ngắn, biến đổi tượng là ngôi thứ ba số ít như anh ấy, ông ấy, cô ấy...thành ảnh, ông, cô.”* (Hồ Xuân Mai và Phan Kim Thoa, 2020: 93). Nhà nghiên cứu cũng nhận định, hiện tượng này thể hiện sự độc đáo trong ngôn ngữ Nam Bộ cũng như tính linh hoạt của nó đối với những ngữ cảnh riêng biệt *“trong trường hợp đối tượng nói tới vắng mặt thì có thể nói ngắn gọn, nhưng nếu cách nói đó không lịch sự thì người Nam Bộ không sử dụng.”* (Hồ Xuân Mai và Phan Kim Thoa, 2020: 93). Có thể thấy, việc nhập âm hay lược gộp từ sẽ khiến

những từ sau khi bị biến đổi sẽ đảm nhận trọn vẹn chức năng ngữ pháp trong câu, theo xu hướng rút gọn, giản lược ngôn ngữ, thường thấy như:

*“- Con là con nhà giàu có, con phải lựa chỗ cho xứng đáng mà cưới vợ. Má nghe nói ông Hội đồng Thường giàu hơn mình nhiều lắm, mà ông không có con trai, có hai đứa con gái, đứa lớn gả lấy chồng rồi, nó về ở theo bên chồng nó, còn đứa nhỏ, vợ chồng ông cũng lắm, tính gả bắt rẻ, nếu con sa vào đó con no lắm.*

*- Tôi nghèo cực gì mà phải chui đầu theo bên vợ đặng ăn chực? Tôi không thèm đầu.*

*- Con đừng có nói đại. Con giàu mà được vợ giàu lớn nữa thì càng quý chớ.*

*- Ông Hội đồng đó gả con mà muốn bắt rẻ, vậy chớ ông đủ sức nuôi tôi hôn?*

*- Sao lại không đủ sức? Ông giàu lớn lắm mà; người ta nói ông giàu lớn bằng ba mình lận.*

*- Tôi xài lớn lắm đa má à. Tôi sợ ông chịu không nổi chớ.”* [11]

Ngôn ngữ giao tiếp dạng rút ngắn này chỉ có thể được đồng tình trong một ngữ cảnh cụ thể, với đối tượng giao tiếp là người miền Nam hoặc là người hiền nhiên đã hiểu và chấp nhận nó như một phương ngữ. Người lần đầu tiên nghe dạng rút ngắn này cũng như không có khả năng phán đoán sẽ không lĩnh hội hết lượng thông tin cần có, thậm chí lĩnh hội sai, thiếu chính xác. Ngôn ngữ viết với sự hỗ trợ với các ký hiệu nhận dạng như in nghiêng, in đậm, gạch dưới, ... sẽ giúp người đọc chú ý tìm ra cách giải nghĩa tối ưu và việc hiểu sai, hiểu lầm sẽ ít xảy ra hơn.

Dạng tắt này thường xuất hiện khi chỉ người đang ở ngôi thứ ba, không thể dùng

để chỉ người đang đối thoại (ngôi thứ hai). Một số ít trường hợp, các nhân vật được xưng như chị, dường là dạng đặc biệt:

“- Bữa nay em rồi phải hôn? Linh bên Khánh Hậu có qua hay không?

- Anh đi đêm trước rồi đêm sau dường có ghé nói chuyện với cha một lát. Hôm nay không thấy qua nữa hết rồi. Mấy người trai tráng trong xóm mình đã bắt đầu trở về bọn. Thôi thì anh về, chớ còn ở làm gì ngoài này nữa.” [12]

Nhìn chung, việc sử dụng từ xưng hô với cấu trúc nhập âm như trên vẫn cần phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh giao tiếp. Trong trường hợp các mối quan hệ xa cách, chưa am hiểu, nếu sử dụng “ông, bà, anh...” mà nói hoặc viết như vậy thì không những không tạo sự gần gũi, thân mật mà hơn thế, đó còn là một hành vi biểu hiện sự xa cách, thiếu cảm thông, thậm chí là đố kỵ, coi thường, khinh báng. Chính vì thế, không phải bao giờ dạng tắt này cũng xuất hiện khi chỉ người. Thường nó chỉ xuất hiện kèm theo sắc thái tình cảm gần gũi, thân mật, gần bó, yêu thương, kính trọng, . . . Nghĩa là những người được chỉ bằng ông, bà, anh, . . . phải là người được nói đến với những tình cảm kể trên. Ngay từ “chả” cũng nhuộm đậm sắc thái tình cảm này. Do đó, khi nghe đến “ông, bà, anh...”, ta có thể mặc nhiên khẳng định rằng đó chính là ngữ khí trong giao tiếp của người Nam Bộ.

#### 4. Kết luận

Qua việc khảo sát ngữ liệu của một số tiểu thuyết tiêu biểu của Hồ Biểu Chánh, có thể thấy, từ xưng hô đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện cá tính văn hóa vùng Nam Bộ nói chung và định hình phong cách của nhà văn nói riêng. Không chỉ đáp ứng nhu cầu giao tiếp giữa người với người, từ xưng hô đi vào văn học và

kiến tạo ngữ cảnh đặc thù cho sự phát triển của từng mối quan hệ; tạo tính hình tượng và có độ nhận diện cao. Đánh giá một cách tổng thể và khách quan, không ai có thể phủ nhận giá trị của từ xưng hô trong phương ngữ Nam Bộ nói chung và văn chương Hồ Biểu Chánh nói riêng. Chúng vừa thể hiện những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa riêng biệt, vừa định vị vai trò không thể thiếu trong bối cảnh ngôn ngữ - văn hóa toàn dân; tạo nên sự phong phú, đa dạng và tính đặc sắc của tiếng Việt. Nghiên cứu khám phá từ xưng hô trong phương ngữ Nam Bộ còn tiềm ẩn nhiều điều hấp dẫn cần được khảo sát chuyên sâu trong các nghiên cứu tiếp theo, và đây cũng là một trong những cách để gìn giữ vốn từ ngữ quý giá này.

#### Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

#### Chú thích

- [1] Hồ Biểu Chánh (2008). *Con nhà giàu*. Nxb Phụ nữ, 182.
- [3] Sđd, 169.
- [11] Sđd, 20.
- [2] Hồ Biểu Chánh (2014). *Cay đắng mùa đời*. Nxb Văn hóa Văn nghệ, 40 - 41.
- [8] Sđd, 75.
- [4] Hồ Biểu Chánh (2005a). *Mẹ ghẻ con ghẻ*. Nxb Phụ nữ, 10.
- [5] Hồ Biểu Chánh (2003). *Ngọn cỏ gió đùa*. Nxb Hội Nhà văn, 557.
- [10] Sđd, 270.
- [7] Sđd, 60 - 61.
- [6] Hồ Biểu Chánh (2001). *Đại nghĩa diệt thân*. Nxb Văn nghệ, 69.
- [12] Sđd, 40.
- [9] Hồ Biểu Chánh (2005b). *Một đời tài sắc*. Nxb Phụ nữ, 9.

**Tài liệu tham khảo**

- Đặng Ngọc Lê và Huỳnh Công Tín. (2021). Đặc trưng văn hóa người Việt ở Nam Bộ qua phong cách ngôn ngữ. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, 25: 7 - 13.
- Hồ Xuân Mai và Phan Kim Thoa (2020). *Nam Bộ qua ngôn từ*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật.
- Hoàng Phê (chủ biên), Bùi Khắc Việt, Chu Bích Thu, Đào Thân, Hoàng Tuệ, Hoàng Văn Hành, Lê Kim Chi, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Ngọc Trâm, Nguyễn Thanh Nga, Nguyễn Thúy Khanh, Nguyễn Văn Khang, Phạm Hùng Việt, Trần Cẩm Vân, Trần Nghĩa Phương, Vũ Ngọc Bảo và Vương Lộc (2003). *Từ điển tiếng Việt*. Trung tâm từ điển học - Nxb Đà Nẵng.
- Huỳnh Kim Tường Vi và Thạch Thị Hoàng Ngân (2012). Từ ngữ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ. *Ngôn ngữ*, 8: 72 - 80.
- Lê Anh Trà (chủ biên) (2017). *Máy đặc điểm văn hóa đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb Hội Nhà văn.
- Nguyễn Đức Thắng (2002). Về giới và ngôi ở những từ xưng hô trong giao tiếp tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 2: 59 - 70.
- Nguyễn Trọng Quản (1887). *Thầy Lazaro Phiên*. J. Linage, Libraire-Éditeur
- Nguyễn Văn Chiến (2004). *Tiến tới xác lập vốn từ vựng văn hóa Việt* (Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa). Nxb Khoa học và Xã hội
- Nguyễn Vy Khanh (2006). Ngôn ngữ của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Trong Nguyễn Văn Nở, Phan Tấn Tài và Trang Quang Sen (chủ biên), *Hồ Biểu Chánh: Người mở đường cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*. Nxb Văn Nghệ, 237 - 263.
- Phạm Thành (1994). Một vài nhận xét về văn hóa xưng hô của người Việt Nam. *Tạp chí khoa học - Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 3: 72 - 75.
- Thanh Lăng (1967). *Bảng lược đồ văn học Việt Nam (Quyển hạ): Ba thế hệ của nền văn học mới (1862 - 1945)*. Nxb Trình Bày.
- Trần Ngọc Thêm (2000). Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân. In trong *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục
- Trần Phong Điều (2005). Phương ngữ Nam Bộ trong ca dao về tình yêu. *Văn hóa dân gian*, 3(99): 60 - 61.